

LỰA CHỌN LUÂN LÝ TRONG THƠ ĐỖ THÀNH ĐỒNG

NGUYỄN ANH DÂN

Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

Tóm tắt: Thơ Đỗ Thành Đồng thể hiện nỗi trăn trở thường trực về nhiều vấn đề luân lý, đạo đức của con người và xã hội đương đại. Những vần thơ đậm triết-lý-sự thức thời, nhức nhối của anh đã lột tả được các nguy cơ luân lý hiện tồn - hệ quả của những va chạm truyền thống - hiện đại, nguyên chất - lai căng, mộc mạc - kịch cỡm, đạo đức - phi luân... Từ đó, nhà thơ đã bộc lộ lựa chọn luân lý (伦理选择 - ethical choice) của bản thân như trở về với truyền thống, với văn hóa dân gian; lẩn trốn và tìm cứu cánh trong tôn giáo, các thế lực siêu nhiên. Dù tinh tế phát hiện, mạnh dạn phơi bày, dũng cảm phê phán những mặt tiêu cực của nhân sinh và thế sự, nhưng chung quy lại Đỗ Thành Đồng vẫn thể hiện kiểu “lựa chọn luân lý không triệt để”, không đi đến tận cùng của vấn đề. Dẫu vậy, qua thơ, Đỗ Thành Đồng đã soi tỏ vũng lầy đạo đức, luân lý, cảnh tình con người trước vòng xoáy quay cuồng của cuộc sống đương đại. Bài viết này nghiên cứu thơ Đỗ Thành Đồng từ góc nhìn lựa chọn luân lý của Phê bình Luân lý học Văn học (文学伦理学批评 - Ethical Literary Criticism) để làm sáng tỏ các vấn đề trên.

Từ khóa: Luân lý, lựa chọn, Đỗ Thành Đồng, truyền thống, folklore.

1. MỞ ĐẦU

Đỗ Thành Đồng sinh năm 1964 tại Quảng Bình, mê thơ và làm thơ từ sớm¹ nhưng mãi đến năm 2010 mới xuất bản tập thơ đầu tay *Cỏ vô danh* (NXB Thuận Hóa) viết theo thể Đường luật. Sau đó, anh lần lượt có thêm bốn tập nữa ở nhà xuất bản Hội nhà văn gồm *Rác* (2012), *Rõng* (2014), *Xác* (2017) và *Đá* (2019). Nếu lấy giải thưởng làm tiêu chí, thơ Đỗ Thành Đồng không mấy nổi bật, trừ Giải thưởng Lưu Trọng Lư của UBND tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2011-2016. Sự đáng chú ý của nhà thơ này nằm ở bản thân nghiệp chữ (đeo đuổi và gắn bó); quá trình chuyển biến ý thức thơ, hệ hình thơ (từ thơ Đường luật sang thơ tự do, thơ hậu hiện đại); tính độc đáo của mỗi thi phẩm, thi tập, cấu tứ thơ cùng những triết-lý-sự thức thời và nhức nhối qua từng câu thơ. Hồ Thế Hà từng nhận định: “Đỗ Thành Đồng là nhà thơ của nỗi ám ảnh tình yêu, nhân sinh và thế sự” [2, tr.5]. Nhận xét này bao quát được các chủ đề lớn, xuất hiện đậm nhạt khác nhau trong từng tác phẩm của Đỗ Thành Đồng. Tuy vậy, có thể nhận thấy tác giả ngày càng có xu hướng hy sinh các vần thơ tình cho những bản thảo về nhân sinh và thế sự. Từ điểm tham chiếu lựa chọn luân lý của Phê bình Luân lý học Văn học, độc giả có thể khám phá nhiều vấn đề đạo đức, luân lý khác nhau được thể hiện trong thơ Đỗ Thành Đồng².

¹ Để thống nhất về hình thức thơ, trong bài viết này chúng tôi chỉ khảo sát bốn tập thơ tự do của Đỗ Thành Đồng gồm *Rác* (2012), *Rõng* (2014), *Xác* (2017) và *Đá* (2019).

² Đỗ Thành Đồng chia sẻ, năm 8 tuổi anh đã có thơ đăng báo *Quảng Bình* nhưng phải từ năm 1990 trở đi mới sáng tác thơ một cách nghiêm túc.

2. NỘI DUNG

Nhiếp Trân Chiêu³ trong công trình *Giới thiệu Phê bình Luân lý học Văn học* đã nhận xét: “Toàn bộ lịch sử văn minh của nhân loại chính là lịch sử lặp lại không ngừng của chọn lọc tự nhiên và chọn lọc/lựa chọn⁴ luân lý” [5, p.6]. Con người là tồn tại mang tính luân lý không thể tách khỏi các quan hệ luân lý nội tại và ngoại tại. Để tồn tại con người phải liên tục thực hiện các lựa chọn và tất cả đều là lựa chọn luân lý (伦理选择 - ethical choice). Do đó, lựa chọn luân lý được xem là lý thuyết hạt nhân của trường phái Phê bình Luân lý học Văn học (文学伦理学批评 - Ethical Literary Criticism). Kiểu lựa chọn này có mối quan hệ và chịu sự tác động qua lại với các phạm trù luân lý khác như thân phận luân lý (伦理身份 - ethical identity), hoàn cảnh luân lý (伦理环境 - ethical background), lưỡng nan luân lý (伦理两难 - ethical dilemma), trật tự luân lý (伦理秩序 - ethical order), cấm kỵ luân lý (伦理禁忌 - ethical taboo)... Bất cứ sự tương tác, thay đổi nào của các phạm trù này đều ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến suy nghĩ, hành động của chủ thể, tức tác động đến quá trình và kết quả của lựa chọn luân lý.

2.1. Đỗ Thành Đồng là người có khả năng phát hiện và dũng cảm nói thẳng, nói thật nhiều vấn đề luân lý trong cuộc sống đương đại. Qua thơ, Đỗ Thành Đồng thể hiện lựa chọn luân lý của mình - những lựa chọn phù hợp với “chữ đức” (“Cha”, *Đá*) và thân phận thi nhân mà anh đeo bồng. Các vấn đề luân lý được vun trồng tươi tốt trong thơ Đỗ Thành Đồng nhờ vào sự màu mỡ của cảm hứng phê phán thường trực của tác giả như Yên Thanh nhận định: “Nhiều vấn đề anh trực diện phê phán, không ngại ngần những hệ lụy sau này” [4, tr.8]. Bất chấp hệ lụy thể hiện tinh thần dũng cảm của nhà thơ. Nó xuất phát từ niềm đau đáu của thi nhân với đạo đức, nhân luân, là tinh thần trách nhiệm của người làm nghệ thuật với cuộc đời và thế sự. Đó là lựa chọn luân lý đáng quý, đáng trân trọng của nhà thơ trong bối cảnh đời sống đương đại đang chứa đựng nhiều biến động, tác động không nhỏ đến các mối quan hệ xã hội tốt đẹp, các truyền thống, các hệ giá trị bản địa của người Việt. Sự trăn trở này của Đỗ Thành Đồng được thể hiện

³ Nhiếp Trân Chiêu sinh tháng 5 năm 1952, nguyên quán Ti Quy, Hồ Bắc, Trung Quốc. Ông là chuyên gia hàng đầu về Văn học Thế giới và Văn học So sánh của Trung Quốc, được công nhận Viện sĩ Viện Hàn lâm Khoa học Châu Âu vào tháng 9 năm 2018. Nhiếp Trân Chiêu được xem là cha đẻ của Phê bình Luân lý học Văn học (文学伦理学批评 - Ethical Literary Criticism). Trường phái này chính thức được định hình vào năm 2004 với bài báo “Phê bình luân lý học văn học: Tham số mới cho phương pháp phê bình văn học” (“Ethical Approach to Literary Studies: A New Perspective” - “文学伦理学批评: 文学批评方法新探索”) của Nhiếp Trân Chiêu đăng trên số 5 của tạp chí *Nghiên cứu Văn học Nước ngoài* (外国文学研究 - *Foreign Literature Studies*). (Tham khảo thêm: Nguyễn Anh Dân (2018). “Nhiếp Trân Chiêu và Lý thuyết Phê bình Luân lý học Văn học”, *Tạp chí Khoa học và Giáo dục* - Đại học Sư phạm Huế, 02 (46), tr.15-23).

⁴ Chỉ có một hình thức ngữ âm của từ “选择” [xuǎn zé] trong tiếng Trung nhưng Nhiếp Trân Chiêu lại sử dụng cả “selection” và “choice” trong tiếng Anh để biểu đạt từ này. “Chọn lọc luân lý” (伦理选择 - ethical selection) là chọn lọc mang tính luân lý bao trùm toàn bộ tiến trình văn minh nhân loại, phân biệt với “chọn lọc tự nhiên” (自然选择 - natural selection) là chọn lọc mang tính sinh vật của loài người. “Chọn lọc luân lý” là quá trình lớn, quá trình tổng thể, còn “lựa chọn luân lý” là hành động cụ thể của mỗi cá nhân trong những hoàn cảnh luân lý (伦理环境 - ethical context) nhất định.

nhất quán qua các thi phẩm. Trong đó, *Đá* - tập thơ mới nhất - chính là bản ưu ca luân lý đậm đặc nhất, nhức nhối nhất của nhà thơ họ Đỗ. Trong lời giới thiệu tập thơ này, Yên Thanh đã nhận ra: “*Đá* đúng như tên gọi, là một tập thơ dụng hành xã hội đầy ưu tư, nhưng cũng đầy trách nhiệm công dân” [4, tr.13]. Trách nhiệm công dân của Đỗ Thành Đồng được bồi đắp trên căn cơ luân lý, đạo đức của chính anh - người không chỉ gắn mình vào nghiệp chữ mà còn nối kết mình chặt chẽ với nghiệp đời.

2.2. Xu hướng lựa chọn luân lý thường thấy của Đỗ Thành Đồng là quay về với bản thể, với trình nguyên, với truyền thống, với đạo đức để khước từ những người-mặt-nạ, lai căng, hiện đại và phi luân. “mẹ ta chẳng chịu đổi thay/ kín mít áo yếm/ vợ ta chẳng chịu đổi thay/ rậm rịt vải vóc” (“Thời trang”, *Rác*) [1, tr.23]. Áo yếm kín mít, vải vóc rậm rịt là những minh chứng hiện còn cho văn hóa trang phục truyền thống, cũng là hiện thân cho quan niệm và sắc màu văn hóa của người Việt. Nó sục mùi quá vãng. Nó đậm chất “bảo thủ”. Nó là tàn tích của lịch sử. Nhưng may thay, nó bao chứa cả những vỉa tầng đạo đức và phẩm hạnh.

Lựa chọn trở về truyền thống của thi nhân được phóng chiếu thành những hình ảnh, biểu tượng, ngôn từ đậm chất folklore, tinh thần hoài niệm và hoài cổ. Nhà thơ Quảng Bình này sử dụng nhiều ý niệm dân gian như lời ru, ca dao, thành ngữ, điển cố, biểu tượng văn hóa... Anh hay nhớ người xưa - những người đã thành thiên cổ. Đó có thể là Đức Phật, là thi tiên Lý Bạch, là thi sĩ Tiên Điền, nhưng cũng có thể là những người gần gũi, thân thương với anh khi họ đã không còn trên cuộc đời này nữa. Bên cạnh đó, bởi có phần “ác cảm” với hiện đại, với lối lảng, kịch cỡm, nên Đỗ Thành Đồng vận dụng nhiều ngữ liệu dân gian như một cách để tuyên chiến với những nguy cơ luân lý tiềm ẩn hiện thời. Các yếu tố folklore này xuất hiện theo hình thức nguyên bản, hoặc phân tách, hoặc chơi chữ, hoặc ẩn dụ: “com sôi rút lửa” (“Bất ngờ”, *Xác*); “rau cải vè/ rau răm/ chẳng lạ” (“Lạ”, *Xác*); “ngón ngang giếng sâu giếng cạn/ soi trong uống đục/ thả gàu mức sự sống/ thả mình buông sự sống” (“Ngón ngang”, *Xác*); “nếu có ai khúc nhạc Bá Nha/ nếu có ai gánh củi Từ Kỳ” (“Củi”, *Xác*); “trắng tay/ tôi/ vay em chóp bể/ trả nợ mưa nguồn” (“Vô tình”, *Xác*); “bởi kiếp trước tôi gieo hạt khế/ luân hồi túi ba gang/ bóng đêm ghen tuông cũng thế/ tôi biết mình lượng cánh chim” (“Đinh”, *Xác*); “chín tháng mười ngày” (“Cháu bé, người đàn bà và thi sĩ” trong tập *Xác* và “Lệ” trong tập *Đá*); “đâu những câu thơ mặc áo cà sa/ đâu những câu thơ mặc áo giấy” (“Lặng”, *Đá*); “ăn lông ở lỗ” (“Lỗi”, *Đá*); “giống trống phất cờ” (“Mưa”, *Đá*); “xin về nghe lại lời ru/ gừng cay muối mặn/ vẫn chưa nhạt nhòa” (“Ngẫm”, *Đá*); “vá chằng vá đụp” (“Rách”, *Đá*); hay thói quen dùng cụm từ “à ơi”, “ầu ơ” trong nhiều bài thơ như “Ngày có cánh” (*Rõng*), “Giữa khung trời ma mị” (*Rõng*), “Giọng nói” (*Xác*), “Ngày” và “Nửa” (*Đá*). Đặc biệt, bài “Say” trong tập *Đá* là một ví dụ rất đáng lưu tâm về cách lồng ghép và sử dụng yếu tố folklore. “Say” gồm bốn khổ, mỗi khổ bốn câu. Trừ khổ đầu, ba khổ còn lại đều vận dụng rất linh hoạt các ngữ liệu dân gian, tạo ra cảm giác tươi mới cho các thành ngữ được sử dụng trong thơ. Câu “trong ngôi nhà mưa xuyên từ nóc” ở khổ thơ thứ hai gợi đến thành ngữ “nhà dột từ nóc”. Câu “đưa say quyền lực mộ tổ voi giày” trong khổ thơ thứ ba gợi đến thành ngữ “rước voi giày má tổ”. Khổ thứ tư: “tôi học đòi kiếm củi/

nhưng tìm quanh chỉ thấy nổi da/ lưỡng lự nhen lửa/ giật mình chưa xáo thịt bao giờ” đã phân tách câu thành ngữ “nổi da xáo thịt” một cách rất tinh tế.

Lựa chọn quay về với dân gian của Đỗ Thành Đồng còn thể hiện ở phương diện “bình dân hóa” hình ảnh thơ. Nhà thơ họ Đỗ đã sử dụng rất nhiều các hình ảnh động vật hay sự vật nhỏ bé để chuyển tải thông điệp thi ca của mình: ốc sên (“Ốc sên”, *Rõng*); kiến (“Rác”, *Rác*); thạch sùng (“Vết thương xuyên đêm”, *Rõng*); con gà, con gà trống (“Trước bình minh”, *Rõng*); dây bìm bìm (“Tím bầm chôn cũ”, *Rõng*); dãi tràng (“Nước mắt dãi tràng”, *Rõng*); trâu, mèo, bò câu (“Người đáng ghét nhất thế gian”, *Rõng*); con cá (“Một”, *Xác*); chó (“Những con chó đi trong mưa” và “Điều ngớ ngẩn”, *Xác*); con ong (“Cô”, *Xác*); gấu bông (“Cảm giác” và “Ai biết”, *Xác*); con rận (“Áo”, *Đá*); con cò, giun dế (“Bay”, *Đá*); con cóc (“Buồn”, *Đá*); giun kim, giun sán, giun móc (“Giun”, *Đá*)... Việc sử dụng những hình tượng bé nhỏ, bình thường, thậm chí tầm thường này của Đỗ Thành Đồng khiến độc giả liên tưởng đến các nhà thơ haiku của Nhật Bản. Nhưng nếu các nhà thơ Xứ sở Phù Tang nhìn sự vật hiện tượng đều mang yếu tố thần linh (kami), tôn trọng và quay về với tự nhiên, thì có lẽ với Đỗ Thành Đồng, đây đơn thuần chỉ là nổi say mê với những gì bình dân, bình dị (như “áo yếm”, “rậm rịt vải vóc”) để tự bảo vệ mình trước biến chứng/tương của nhân tình và thế sự mà thôi.

2.3. Không chỉ quay về với truyền thống, với folklore, Đỗ Thành Đồng - với tư cách chủ thể của lựa chọn luân lý - còn tìm chốn nương tựa trong tôn giáo, thế lực siêu nhiên, cõi mộng ảo, phi thực. Thậm chí, có thể nói rằng, thơ Đỗ Thành Đồng mang một niềm ám ảnh tâm linh rất thường trực. Điều này gây cho độc giả cảm giác nhân vật trữ tình trong thơ anh nhỏ bé, yếu đuối, lép vế và bất lực trước thực tại, dẫn đến phải tìm kiếm sự hỗ trợ và cứu rỗi từ những thế lực, thế giới khác. Đây chính là biểu hiện của cái mà Hồ Thế Hà đã gọi là “cảm thức lẩn trốn”: “Đó phải chăng là một trạng thái bất lực, hoài nghi về những gì con người không đạt được, nhưng muốn níu giữ, hy vọng?” [2, tr.8]. Nhà thơ thường vin vào, dẫn ra, kêu đòi, bắc cầu nối với các bậc thần thánh, cao nhân như trời (“Thanh khiết”, “Chùng chình” trong tập *Rõng* và “Những con chó đi trong mưa” trong tập *Xác*); Phật, Đức Phật, Đức Phật Di Đà, Đức Quán Thế Âm (“Hành khát”, *Rác*); Quán Thế Âm Bồ Tát (“Tránh”, *Rác*); chị Hằng (“Mùi hương”, *Rõng*); Cuội (“Chẳng có gì giấu được”, *Rõng*); Vị Thánh tình yêu (“Giác mơ”, *Rõng*); Phù Đổng (“Ô nhiễm”, *Rõng*); Tôn Ngộ Không (“Vô tình”, *Xác*); Alibaba (“Alibaba”, *Xác*) hay Lý Bạch, Phùng Quán, Nguyễn Hàm Ninh... Nhà thơ cũng dùng nhiều cụm từ chỉ không gian xa xôi, không hiện hữu như thiên đường, địa ngục, tiên giới... Lựa chọn đi vào những thế giới phi thực, tìm cách giao tế với những bậc siêu linh không phải là sự “muốn níu giữ, hy vọng” như Hồ Thế Hà nghi vấn mà có lẽ, chính xác hơn, là một “trạng thái bất lực” của thi nhân trước các vấn đề luân lý của cuộc sống.

Về phương diện tôn giáo, thơ Đỗ Thành Đồng mang hơi thở Phật giáo rất rõ nét. Rất nhiều yếu tố Phật giáo được lặp đi lặp lại trong bốn tập thơ của Đỗ Thành Đồng: từ quan niệm nghiệp chướng, tham-sân-si, đốn ngộ, giải thoát, đến các nhân vật tôn giáo được nhắc tới trong thơ (như trên đã liệt kê) cùng các hình ảnh, ngôn ngữ thơ như

nghiệp chương, luân hồi⁵; xá lị (“Xóa”, *Rõng*); tiền kiếp (“Mắt đêm”, *Rõng*); chuỗi hạt (“Khuôn mặt”, *Xác*); cõi Ta bà tham sân si (“Giọng nói”, *Xác*); siêu thoát (“Hy vọng”, *Xác*); vô minh (“Im”, *Đá*); tiếng chuông, tụng niệm, vô ngôn, áo cà sa, nghiệp chương (“Lặng”, *Đá*); niệm Phật (“Lệ”, *Đá*); vô thường (“Mọt”, *Đá*)... Đặc biệt, có những bài thơ tràn ngập phong vị Phật giáo như “Hành khất” (*Rác*), “Lặng” (*Đá*)... Ở một góc độ nào đó tôn giáo là một hiện tượng xã hội phản ánh sự bất lực, bế tắc của con người trước sức mạnh tự nhiên và sức mạnh xã hội. Trong trường hợp của Đỗ Thành Đồng, sự bế tắc không do áp lực của sức mạnh tự nhiên mà đến từ xã hội. Chính những áp lực từ con người và đời sống đầy bất/phản trắc đã khiến Đỗ Thành Đồng tìm kiếm cứu cánh từ thế giới bên ngoài và các thế lực siêu nhiên.

2.4. Quay về, lẫn trốn hay chạy trốn trong tôn giáo, một cách chung nhất, thể hiện một kiểu lựa chọn luân lý không triệt để của Đỗ Thành Đồng. Anh nhìn thấy nhiều vấn đề luân lý, dám công khai những vấn đề đó với thái độ dũng cảm, đó là điều không thể phủ nhận. Nhưng ở anh, độc giả bắt gặp nhiều hơn là những lựa chọn chưa rõ ràng, không đi đến cùng của hành động. Điều này được thể hiện qua việc Đỗ Thành Đồng thích đặt nhiều câu hỏi. Nó cho thấy sự suy tư của nhà thơ với các vấn đề xã hội và nghệ thuật. Đôi khi, nhà thơ đặt ra những vấn đề luân lý đầy cấp thiết, ví dụ vai trò của văn nghệ (cụ thể là thơ) đối với công cuộc cải tạo xã hội. Đây chính là một biểu hiện của chức năng giáo dục (教诲功能 - educational/edificatory/teaching function) của văn học theo quan niệm của Phê bình Luân lý học Văn học.

Trong bài “Thơ có thể làm gì” (*Rác*), tác giả băn khoăn: “Nhiều khi tận mắt thấy cái ác/giếng trời nhan nhản những gương người/ mỏng dày mặt nạ/ ngẩng đầu tự hỏi/ thơ có thể làm gì được không” [1, tr.95]. Dù đã “tận mắt thấy cái ác”, thấy nhan nhản những người “mỏng dày mặt nạ”, “nhìn thấy nổi bất công”, rồi thậm chí thấy mình “như một thằng ngốc” nhưng tác giả vẫn chỉ dừng lại ở câu hỏi “Thơ có thể làm gì được không” mà không đưa ra câu trả lời thích đáng. Phê bình Luân lý học Văn học quan niệm thơ hay văn học có khả năng tác động và giáo dục con người, bồi dưỡng nhân cách, khuyến thiện trừ ác. Đây chính là công năng bản chất của văn học. Trong những vần thơ trên, Đỗ Thành Đồng chỉ mới phát hiện vấn đề mà chưa phát lộ giải pháp. Nó cho thấy, dù nhà thơ không ngần ngại phê phán hiện thực nhưng cách phản ứng của nhân vật trữ tình trong thơ anh nhiều khi vẫn mang màu sắc cam chịu, thậm chí có lúc: “anh muốn thành trẻ con/ tin mãi vào điều không thật” (“Xuân khất”, *Rõng*) [2, tr.82]. Thậm chí có khi nhà thơ không khỏi nảy sinh tâm lý thỏa hiệp trong cách lựa chọn ứng xử của mình: “tôi chung sống đẹp với anh/ không phải vì mê muội/ tôi yêu những đứa con của mình/ sợ nó bần hàn chết chóc” (“Che”, *Đá*) [4, tr.24]. Nhân vật trữ tình thỏa hiệp không phải bởi “mê muội” mà có phần ích kỷ để bảo vệ và che chở cho những đứa con của mình vì “sợ nó bần hàn chết chóc”.

⁵ Từ “luân hồi” xuất hiện 2/50 bài của tập *Rác*, 3/48 bài của tập *Rõng*, 4/53 bài của tập *Xác* và 4/55 bài của tập *Đá*. Thống kê tương tự với từ “ngiệp chương” là 4/50 (*Rác*), 1/48 (*Rõng*), 3/53 (*Xác*) và 5/55 (*Đá*).

Một mặt, Đỗ Thành Đồng sốt sáng phát hiện và phê phán nhiều vấn đề mang tính thời sự, mặt khác anh lại có phần cam chịu, bất lực trước những gì mình nhìn thấy và công kích. Hai khía cạnh này cho thấy sự giằng co dữ dội trong suy nghĩ và lựa chọn (hành động) của nhà thơ. Dù nhận vào mình sứ mệnh của thi nhân nhưng ở Đỗ Thành Đồng đâu đó vẫn có cái nhìn u ám (dù nó cũng không phải là phi thực tế): “thi ca ngày càng rẻ rúng/ nghĩa tình ngày càng khan hiếm/ cơm gạo ngày càng thừa mứa” (“Cha”, *Đá*) [4, tr.23]. Những câu thơ này cho thấy sự giằng xé và chông chênh trong tâm thức thơ của Đỗ Thành Đồng. Một bên anh tin vào thiên chức của thơ, của người làm thơ. Phía còn lại là sự lên ngôi của quyền trị, tiền trị và “số trị”; là sự thoái hóa văn hóa và biến chất những giá trị truyền thống. Nó cũng phản ánh sự bất nhất trong những lời buộc tội của Đỗ Thành Đồng với “thi ca”, “nghĩa tình”, “cơm gạo” khi anh vẫn chọn thơ để cúng dâng, tưởng nhớ người cha đã khuất của mình: “nhớ Cha con cúng giỗ đời/ thơ” (“Cha”, *Đá*) [4, tr.23]. Láy cái “rẻ rúng” làm lẽ vật là một lỗi sơ đẳng của thi nhân hay một cách vô thức, dù chán chường với những gì đang hạ bệ giá trị thi ca, nhà thơ vẫn quay trở về với bầu sữa đã nuôi dưỡng hồn mình và đời mình? Sự “ngây thơ” này của Đỗ Thành Đồng có lẽ xuất phát từ căn cước thi nhân của anh: “anh sống bằng niềm tin hứa hẹn/ hồn nhiên của kẻ đại khờ/ anh chết giữa thanh âm vô cảm/ con đường tới mộng mơ” (“Hứa”, *Đá*) [4, tr.35].

2.5. Dù bị mắc kẹt giữa cuộc nhân sinh đầy bất trắc, lọc lừa, nan giải, Đỗ Thành Đồng vẫn giữ được cái nhìn tỉnh táo và nhận ra sự thật ẩn đằng sau những hào nhoáng, lẫn lộn: “không phải tự tử nào cũng đáng trách/ không phải sự sống nào cũng thắm hoa/ không phải cứ yêu nhau là tốt/ không phải cứ ghét nhau là tồi” (“Muốn”, *Đá*) [4, tr.60] hay: “Không phải cứ nhiều muối là mặn/ gừng nhiều sẽ cay/ không phải say sưa là món ngon/ không phải ngắm nhìn là đẹp/ không phải hôn nhau là yêu đương” (“Ngắm”, *Đá*) [4, tr.62]. Thơ Đỗ Thành Đồng nhiều tưởng tượng, mơ, mộng, mù mịt, say, điên, không ít hờn ghen, dỗi dằn yêu thương, tình cũng cháy bỏng, nhưng nổi bật không kém vẫn là những bản kê chi tiết về hiện thực luân lý của con người và đời sống đương đại. Những bản tường trình bằng thơ ấy lột tả nhiều vấn nạn đạo đức, đồng thời cũng là những hồi chuông luân lý cảnh tỉnh con người về thế giới mà họ đang tồn tại và can dự vào. Ở đó, có những giá trị và truyền thống đạo đức bị lật đổ, có những đạo lý tốt đẹp bị xóa bỏ bởi con người. Nhân vật trữ tình bị đẩy vào những trạng huống luân lý như vậy không phải là hiếm trong thơ Đỗ Thành Đồng: “Khi niềm tin nằm dưới nhát chổi/ bài vị bàn thờ mọc meo/ nhát cuốc nhà nông không bỏ vào đầu đất/ thi sĩ cũng vũ phu với chữ” (“Say”, *Đá*) [4, tr.82]. Thậm chí trong thời kì cách mạng công nghiệp 4.0, con người bị đặt vào bối cảnh của “con số”, “số hóa”, “robot”, Đỗ Thành Đồng đã đặt ra một vấn đề bức thiết, đó là làm thế nào để tồn tại và giữ bản thể, bản sắc của mình. Bởi lẽ: “Miệng nói mắt nhìn của kẻ khác/ hơi thở cũng không còn của mình/ trái tim mỗi việc tồn tại/ tự nhiên thấy vắng bóng người” (“Số”, *Đá*) [4, tr.83]. Khi công nghệ số và tự động hóa lên ngôi, Đỗ Thành Đồng lo lắng cho an nguy của tình người, của cảm xúc thực sự của con người, đến những thực thể người có “tuyên lệ” để “vuốt mặt cho mình” (“Số”, *Đá*). Đó là những trăn trở luân lý, đạo đức đáng trân trọng của Đỗ Thành Đồng.

3. KẾT LUẬN

Dù còn đó những lựa chọn chưa triệt để, nhưng Đỗ Thành Đồng đã có lúc: “giẫm đạp lên những suy nghĩ/ tâm thường/ chẳng là cái gì cả” (“Chẳng là cái gì cả”, *Xác*) [3, tr.44] vì anh tin vào bản chất và tâm tính của mình, tin vào thiên chức của mình: “vì ta biết ta tốt hơn/ ta/ tương” (“Chẳng là cái gì cả”, *Xác*) [3, tr.45]. Hồ Thế Hà từng kết luận “(...) thơ Đỗ Thành Đồng có chỗ đứng trong dòng chung của thơ Việt hôm nay” [2, tr.12]. Yên Thanh trong bài “Người vỡ đá ra thơ” để giới thiệu tập *Đá* đã thành thật: “Tôi tin rằng, với tập thơ này, Đỗ Thành Đồng sẽ có một chỗ đứng nhất định không chỉ trong làng thi ca Quảng Bình quê hương anh, mà sẽ “được đặt chỗ” trong nền thi ca toàn quốc” [4, tr.8]. Đỗ Thành Đồng không phải là người hùng cầm đuốc dẫn đường cho bản thân và đồng loại của mình vượt qua bể khổ nhưng anh góp công vào việc soi tỏ cho những người xung quanh thấy vũng lầy đạo-đức-luân-lý giữa bể đời. Từ sâu trong trái tim thi ca của Đỗ Thành Đồng là tiếng kêu đòi, thúc giục cứu lấy nhân luân, dưỡng nuôi cái thiện: “đùng đẽ/ mái đầu dòng sông ô nhiễm/ mắt đen lặc/ giữa màu đen/ ngày địa ngục giải tán/ thế gian điệp điệp/ thiên đường” (“Thiên đường”, *Rác*) [1, tr.94]. Dù sao đi nữa, nhà thơ vẫn chọn thiên đường để phá tan những địa ngục đã, đang và có thể được dựng xây trên cõi nhân sinh này. Đó chính là ánh sáng luân lý đáng quý mà Đỗ Thành Đồng gửi gắm qua những con chữ của mình. Và chỗ đứng của anh trong dòng chảy thơ Việt đương đại một phần sẽ được vun đắp từ những thông điệp luân lý đầy trần trở ấy.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đỗ Thành Đồng (2012). *Rác* (Thơ). NXB Hội Nhà Văn, Hà Nội.
- [2] Đỗ Thành Đồng (2014). *Rống* (Thơ). NXB Hội Nhà Văn, Hà Nội.
- [3] Đỗ Thành Đồng (2017). *Xác* (Thơ). NXB Hội Nhà Văn, Hà Nội.
- [4] Đỗ Thành Đồng (2019). *Đá* (Thơ). NXB Hội Nhà Văn, Hà Nội.
- [5] 聂珍钊 (2014). 《文学伦理学批评导论》, 北京大学出版社, 北京.

Title: ETHICAL CHOICES IN DO THANH DONG’S POETRY

Abstract: Do Thanh Dong’s poetry depicts a constant concern about many ethical issues of people and society. His profoundly philosophic and topical poems manifest the real ethical risk - the consequences of contradictions between tradition and modern, pureness and hybrid, simpleness and ludicrousness, morality and immorality. In which, the poet has revealed his ethical choices (伦理选择) such as returning to tradition and folklore, hiding and searching for salvation in religion and supernatural forces. Although subtly discovered, boldly exposed, and bravely criticised some negative aspects of human life, the writer still shows one kind of so-called “halfway ethical choices” that does not resolve matters fully. However, Do Thanh Dong has displayed risks of morality, as well as, warned people in the whirlwind of contemporary life. This paper studies his poetry from a perspective of ethical choices of Ethical Literary Criticism (文学伦理学批评) to clarify the issues.

Keywords: Ethical, choice, Do Thanh Dong, tradition, folklore.